

VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP TƯ PHÁP VÀ ĐỘC LẬP CỦA THẨM PHÁN, HỘI THẨM
TRONG THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP CỦA TÒA ÁN Ở VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

TS. Đinh Thế Hưng

Trường Đại học Mở Hà Nội

Tác giả liên hệ: hungdt@isl.gov.vn

Ngày nhận: 28/02/2024

Ngày nhận bản sửa: 12/3/2024

Ngày duyệt đăng: 14/3/2024

Tóm tắt

Quyền tư pháp đã được thừa nhận là một nhánh quyền lực bên cạnh quyền lập pháp, hành pháp trong Hiến pháp Việt Nam 2013. Để quyền lực này phát huy hiệu quả, nhất thiết đảm bảo tính độc lập của tư pháp, trong đó, có độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm. Trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận về độc lập tư pháp, độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm, bài viết đánh giá những hạn chế trong việc đảm bảo sự độc lập này trong thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm đảm bảo độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Quyền lực, quyền tư pháp, quyền lập pháp, quyền hành pháp, độc lập xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm

The Issue of Judicial Independence and the Independence of Judges and Juries in the Exercise of Judicial Power in Vietnam within the Context of Establishing a Rule of Law State

Dr. Dinh The Hung

Ha Noi Open Univesity

Corresponding Author: hungdt@isl.gov.vn

Abstract

The recognition of judicial power as a separate branch alongside legislative and executive powers is enshrined in the 2013 Constitution of Vietnam. To ensure the effective functioning of this power, it is essential to safeguard the independence of the judiciary, including the independence of judges and juries. Building upon a theoretical analysis of judicial independence, the independence of judges and juries, this article assesses the limitations in guaranteeing such independence in the exercise of judicial power in Vietnam. Based on this evaluation, the article proposes several solutions aimed at ensuring the independence of judges and juries in Vietnam in the foreseeable future.

Keywords: Power, judicial power, power legislative, executive power, the independence of the judiciary, jurors.

Đặt vấn đề

Việt Nam đang tiến hành cải cách tư pháp trong bối cảnh tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo tinh thần của Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Một trong những yêu cầu của cải cách tư pháp là cần đảm bảo độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm trong việc thực hiện quyền tư pháp. Để làm được điều này, cần tiếp tục nhận thức đúng đắn, đầy đủ về quyền tư pháp, độc lập tư pháp. Trên cơ sở đó, đánh giá thực trạng độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm ở Việt Nam trong thời gian qua. Từ đó, đề xuất các kiến nghị nhằm đảm bảo độc lập tư pháp nói chung và độc lập Thẩm phán, Hội thẩm trong việc thực hiện quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Quyền tư pháp độc lập mà biểu hiện tập trung nhất của nó là Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật là một trong những giá trị, nguyên tắc, đặc trưng và thành tố của Nhà nước pháp quyền. Chính vì vậy, Chiến lược xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đến năm 2030, định hướng 2045 cần phải coi đảm bảo độc lập của Tòa án, Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là nội dung quan trọng, mang tính đột phá trong cải cách tư pháp nói riêng, trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói chung.

Nội dung quan trọng nhất và mang tính chất phổ quát nhất của quyền tư pháp chính là quyền xét xử các tranh chấp trong xã hội. Xét xử là việc đưa ra các phán quyết và yêu cầu cao nhất của nó là tính khách quan với mục đích đem lại công lý, công bằng cho xã hội. Tính khách quan thể hiện ở việc khi xét xử, Nhà nước không thiên vị bất cứ ai và mọi người bình đẳng trước pháp luật. Mục đích của việc xét xử sẽ không đạt được, niềm tin của người dân với công lý sẽ không còn nếu hoạt động xét xử mất đi tính khách quan, bị can thiệp bởi các yếu tố bên ngoài. Để đảm bảo tính khách quan này, đòi hỏi quyền tư pháp phải được độc lập. Nếu tính khách quan là yêu cầu của hoạt động xét xử thì tính độc lập là điều kiện để thực hiện yêu cầu đó [1]. Do đó, *tính độc lập* của quyền tư pháp là *đặc trưng cốt lõi* của quyền tư pháp, hay nói cách khác là *đặc trưng của đặc trưng* [2].

Trong số các đặc trưng phổ biến của quyền tư pháp trong mọi Nhà nước pháp quyền thì tính độc lập của quyền tư pháp là đặc trưng vốn có, không thể thiếu. Độc lập của quyền tư pháp được thể hiện ở 3 góc độ: (i) độc lập của nhánh quyền lực tư pháp trong quan hệ với 2 nhánh quyền còn lại (lập pháp và hành pháp); (ii) độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm khi xét xử; (iii) độc lập giữa các cấp tòa án với nhau. Nói cách khác, quyền tư pháp độc lập về chức năng, độc lập về tổ chức và độc lập về hoạt động.

Ngoài ra, với bản chất là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, quyền tư pháp ở nước ta còn có các đặc trưng: Tính thống nhất, tính phối hợp, tính kiểm soát quyền lực khác và tính chính

trị. Các đặc trưng này của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đều liên quan đến tính chất độc lập của quyền tư pháp. Tính thống nhất đòi hỏi sự độc lập vẫn phải đảm bảo tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; tính phối hợp thể hiện ở việc phối hợp giữa Tòa án - cơ quan thực hiện quyền tư pháp với Quốc hội, Chính phủ và sự phối hợp giữa Tòa án với các cơ quan tham gia thực hiện quyền tư pháp khác (Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra). Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, sự phối hợp này là để Tòa án thực hiện đúng chức năng thực hiện quyền tư pháp mà không phương hại đến tính độc lập của quyền tư pháp.

Ở nước ta, quyền tư pháp mang tính chính trị, thể hiện ở chỗ Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo đối với quyền tư pháp. Vấn đề quan trọng cần tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của Đảng để bảo đảm được tính độc lập của quyền tư pháp.

2. Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Quyền tư pháp được hiện thực hóa thông qua hoạt động của những con người cụ thể, đó là các Thẩm phán và Hội thẩm. Thẩm phán, Hội thẩm có độc lập mới đảm bảo được độc lập của quyền tư pháp. Chính vì vậy, sự độc lập của Tòa án chỉ là điều kiện cần của độc lập xét xử và điều kiện đủ của độc lập xét xử là sự độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm. Điều đó đi đến khẳng định, hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm phải độc lập để đảm bảo tính độc lập của quyền tư pháp đã nói ở trên. Sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm được xem xét từ hai phương diện độc lập bên ngoài và độc lập bên trong, thể hiện

qua các nội dung sau:

Thứ nhất, Thẩm phán và Hội thẩm phải được độc lập với tất cả các yếu tố tác động từ ngoài ngành Tòa án, từ trong nội bộ Tòa án, nơi mình làm việc và của các Tòa án cấp trên.

Thứ hai, Thẩm phán và Hội thẩm phải độc lập với nhau. Thẩm phán phải độc lập với Hội thẩm trong việc đánh giá các tình tiết của vụ án và áp dụng pháp luật. Ngược lại, Hội thẩm phải được độc lập với Thẩm phán trong việc xem xét, đánh giá chứng cứ của vụ án, các tình tiết của vụ án và áp dụng pháp luật. Các quy định và quy trình tố tụng liên quan đến việc tổ chức và thực hiện chức năng xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm cần bảo đảm giảm thiểu hoặc tránh khả năng có thể gây ảnh hưởng từ phía Thẩm phán đối với Hội thẩm và ngược lại.

Thứ ba, Thẩm phán và Hội thẩm phải độc lập với các bên tiến hành và tham gia tố tụng khác, như Kiểm sát viên, người bào chữa. Sự độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm trong trường hợp này được thể hiện thông qua quy định rằng Thẩm phán và Hội thẩm không bị lệ thuộc vào ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa trong quy trình tố tụng.

Thứ tư, Thẩm phán và Hội thẩm phải được độc lập với các bên đương sự của vụ án mà họ đang giải quyết. Sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm trong trường hợp này được thể hiện thông qua việc từ chối hoặc bị thay đổi tham gia giải quyết vụ án nếu xét thấy họ có thể không độc lập, khách quan và vô tư khi giải quyết vụ án đó. Ngoài ra, sự độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm còn được xem xét từ phương diện độc lập bên trong của cá nhân Thẩm phán, Hội

thẩm, khi xét xử, họ không bị tác động bởi các lợi ích cá nhân của bản thân họ.

Thẩm phán độc lập, Hội thẩm độc lập không có nghĩa họ không bị kiểm soát. “*Độc lập*” và “*Chỉ tuân theo pháp luật*” là hai nội dung có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. “*Độc lập*” là điều kiện cần thiết để Thẩm phán và Hội thẩm khi xét xử chỉ tuân theo pháp luật, còn “*tuân theo pháp luật*” là cơ sở không thể thiếu để Thẩm phán và Hội thẩm độc lập khi xét xử. Nếu chỉ “*độc lập*” mà không “*tuân theo pháp luật*” thì dễ dẫn đến xét xử tùy tiện, chủ quan, độc đoán. Bên cạnh đó, độc lập xét xử không có nghĩa Thẩm phán, Hội thẩm không phải chịu trách nhiệm về phán quyết của mình. Bởi lẽ, khách quan, công bằng, công lý mới là mục đích của việc xét xử, mà độc lập xét xử chỉ là điều kiện để thực hiện. Độc lập bên trong của Thẩm phán khi xét xử đòi hỏi Thẩm phán có trách nhiệm trước pháp luật và với chính lương tâm của mình.

3. Tòa án độc lập

Trong Nhà nước pháp quyền, quyền tư pháp do Tòa án thực hiện. Điều này được thể hiện trong Điều 102 Hiến pháp 2013 của nước ta. Để đảm bảo tính độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm, đòi hỏi thiết kế và vận hành mô hình tổ chức Tòa án phải độc lập. Nói cách khác, tổ chức của các Tòa án là phương thức để Thẩm phán và Hội thẩm độc lập xét xử. Độc lập của Tòa án được xem xét từ hai chiều: độc lập với bên ngoài hệ thống và độc lập ở bên trong hệ thống.

3.1. Độc lập với bên ngoài hệ thống

Tòa án mỗi cấp phải độc lập với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp và hành pháp cùng cấp. Ở tầm cao nhất, Tòa

án Nhân dân Tối cao độc lập với Chính phủ và Quốc hội, trong cơ chế thực hiện quyền lực Nhà nước ở Việt Nam, sự độc lập này phải tuân thủ nguyên tắc quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sự độc lập này thể hiện ở nhiều phương diện như: vị thế của Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao trong bộ máy Nhà nước ở Trung ương, phán quyết của Tòa án Nhân dân Tối cao phải được coi là phán quyết cuối cùng và không thể bị cơ quan lập pháp hoặc cơ quan hành pháp cao nhất của quốc gia nghi vấn, và xem xét lại. Tương tự, Tòa án địa phương cũng phải độc lập với các cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương (Hội đồng nhân dân), và cơ quan hành pháp ở địa phương cùng cấp. Theo đó, Tòa án địa phương không bị chỉ đạo, lệ thuộc về mặt tổ chức, nhân sự, kinh phí và chế độ báo cáo và chỉ đạo từ phía các cơ quan quyền lực khác ở địa phương. Tòa án phải được xác định là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp, các cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát là các cơ quan tham gia thực hiện quyền tư pháp. Do đó, Tòa án phải được độc lập với các cơ quan này. Sự độc lập của Tòa án trong trường hợp này là việc Tòa án không bị giám sát, kiểm soát bởi các cơ quan tham gia thực hiện quyền tư pháp, không bị lệ thuộc vào các nhận định, quyết định của cơ quan điều tra, cơ quan truy tố. Phán quyết của Tòa án chỉ dựa vào các chứng cứ đã được thu thập và kiểm chứng công khai tại phiên tòa và trên cơ sở pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án còn phải được độc lập với các tổ chức xã hội. Việc giám sát

của các tổ chức xã hội đối với hoạt động xét xử của Tòa án không thể làm ảnh hưởng đến sự độc lập của Tòa án.

Tòa án cũng phải độc lập với các cơ quan ngôn luận. Các cơ quan ngôn luận không được phép can thiệp bằng cách tạo ra sức ép dư luận hoặc công chúng đối với Tòa án. Ngoài ra, cơ quan ngôn luận cũng không được phép đưa ra những nhận định mang tính định hướng dư luận và công chúng về các tình tiết của vụ án trong khi vụ án chưa được đưa ra xét xử.

3.2. Độc lập ở bên trong hệ thống

Thứ nhất, mối quan hệ giữa những Tòa án các cấp là mối quan hệ tổ tụng. Điều này có nghĩa Tòa án cấp trên có thẩm quyền tổ tụng xem xét lại quyết định của Tòa án cấp dưới theo thẩm quyền và trình tự mà pháp luật quy định. Sự độc lập của Tòa án theo chiều dọc được thể hiện ở chỗ Tòa án phải được thiết kế theo cấp xét xử, bao gồm Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm và cao nhất là Tòa án tối cao.

Thứ hai, mối quan hệ giữa những Tòa án các cấp không phải là mối quan hệ hành chính được phân cấp, bởi lẽ, nếu có các mối quan hệ này thì Tòa án cấp dưới không tránh khỏi sự lệ thuộc vào Tòa án cấp trên, mà sự lệ thuộc đó không mang tính tổ tụng. Chính vì vậy, không “hành chính hóa” mối quan hệ tổ tụng giữa Tòa án các cấp là một trong các yêu cầu để đảm bảo Tòa án độc lập xét xử.

4. Những hạn chế và giải pháp trong thực hiện quyền tư pháp đảm bảo độc lập tư pháp và độc lập xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm

4.1. Hạn chế

Nhận thức lý luận về tư pháp, cải cách tư pháp chưa được hình thành một cách đầy đủ, toàn diện, hệ thống: Một số vấn đề cốt lõi của tư pháp, của cải cách tư pháp như quyền tư pháp, cơ quan tư pháp, hệ thống tư pháp, độc lập tư pháp... chưa được luận giải một cách sâu sắc; tiếp cận về cải cách tư pháp chủ yếu từ phương diện chuyên ngành luật học, mà chưa tiếp cận từ phương diện chính trị, chính sách... Chưa nghiên cứu toàn diện về tư pháp, về cải cách tư pháp, mới chỉ chú trọng nghiên cứu về tư pháp hình sự, cải cách tư pháp hình sự, các loại tư pháp khác chưa được chú trọng nghiên cứu một cách thoả đáng. Bên cạnh đó, tính ứng dụng của các kết quả nghiên cứu chưa cao, chưa được sử dụng đầy đủ, hệ thống, toàn diện trong cải cách tư pháp.

Về tổ chức tòa án: Nhiều chủ trương rất đúng đắn đã được đề ra về xác định tổ chức và hoạt động của tòa án như tổ chức tòa án theo thẩm quyền xét xử không phụ thuộc vào đơn vị hành chính. Điều này tác động lớn đến tính độc lập của tòa án; hệ thống tòa án *chưa phân hoá cao về tổ chức, chưa chuyên nghiệp hoá, chuyên môn hoá cao về cán bộ*. Ngoài ra, nhiệm kỳ thẩm phán chưa được kéo dài; quy trình bổ nhiệm Thẩm phán vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nhận xét của cấp ủy, cơ quan nhà nước địa phương. Đội ngũ cán bộ tòa án vẫn còn thiếu về số lượng, chất lượng chưa đáp ứng được yêu cầu; chế độ chính sách tiền lương còn nhiều bất hợp lý; kinh phí và cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của tòa án.

Vấn đề quản trị tòa án vẫn còn

những bất cập: Vai trò của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia chưa thật sự rõ ràng, chưa đạt hiệu quả cao như kỳ vọng; nhất là trong việc miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán. Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán chưa thực sự phát huy vai trò quyết định trong việc xem xét miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán để vấn đề kỷ luật không trở thành sức ép tâm lý đối với Thẩm phán trong độc lập xét xử [3].

Chế độ, chính sách đối với Thẩm phán, Hội thẩm vẫn còn nhiều điều thiếu hợp lý: Việc coi Thẩm phán là công chức Nhà nước sẽ dẫn đến họ phải phụ thuộc vào sự lãnh đạo của cấp trên với mối quan hệ mệnh lệnh, phục tùng (đặc trưng trong quan hệ hành chính). Chế độ tiền lương của Thẩm phán, thù lao xét xử của Hội thẩm chưa được đổi mới ảnh hưởng đến tính liêm chính trong đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm. Thậm chí, dẫn đến nguy cơ tham nhũng, tiêu cực trong đội ngũ này... làm cho nhân dân nghi ngờ, mất lòng tin vào hệ thống tư pháp nói chung, vào hoạt động xét xử của các tòa án nói riêng. Thẩm phán chưa được hưởng các quyền miễn trừ khiến họ không yên tâm độc lập xét xử. Cơ chế giám sát hoạt động xét xử chưa phù hợp với yếu tố đặc thù của hoạt động xét xử là “hậu kiểm” dẫn đến sự can thiệp vào hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm.

Vấn đề can thiệp vào hoạt động xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm: Hiến pháp cũng như pháp luật quy định nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm. Tuy nhiên, lại chưa có bất kỳ một chế tài nào được ban hành

đảm bảo cho điều cấm đó được thực thi trên thực tiễn. Chưa thấy bất kỳ một cá nhân nào bị xử lý trách nhiệm đối với hành vi can thiệp vào hoạt động xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm.

Pháp luật về tố tụng tư pháp còn nhiều bất cập: Việc hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự vẫn chưa đáp ứng được các yêu cầu của tố tụng trong Nhà nước pháp quyền. Mô hình tố tụng hình sự vẫn chưa đáp ứng được các đòi hỏi của đề cao tranh tụng. Các nguyên tắc tố tụng tiến bộ vẫn chưa được cụ thể hoá đầy đủ, nhất quán, vẫn còn sự bất bình đẳng giữa các chủ thể của tố tụng hình sự, chưa bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật. Vai trò trọng tài của toà án vẫn chưa được xác lập rõ. Tư pháp dân sự còn khó tiếp cận, chưa bảo đảm nguyên tắc tự định đoạt của các đương sự. Tư pháp hành chính chưa được hoàn thiện theo đúng các nguyên tắc của tố tụng. Tư pháp hiến pháp chưa được xây dựng.

Về cơ chế lãnh đạo của Đảng và giám sát hoạt động tư pháp của các cơ quan dân cử còn bất cập. Tòa án chưa độc lập với cấp ủy địa phương, vẫn còn tình trạng cấp ủy địa phương can thiệp vào hoạt động xét xử của tòa án, sự lãnh đạo của Đảng trong giải quyết một số vụ án còn lúng túng và vướng mắc; sự phối hợp giữa cấp ủy với tòa án và cơ quan tư pháp còn thiếu đồng bộ và chặt chẽ. Công tác giám sát hoạt động tư pháp của Quốc hội và Hội đồng nhân dân chậm đổi mới nhiều khi ảnh hưởng đến tính độc lập của tòa án.

4.2. Giải pháp đến năm 2030

Thống nhất nhận thức về Tòa án độc lập; Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và

chỉ tuân theo pháp luật: Tiếp tục nhận thức đúng đắn, đầy đủ và thống nhất về cách tiếp cận, khái niệm, phạm vi, nội dung, đặc trưng, phương thức, thực hiện quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền. Làm rõ các khái niệm: chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, văn minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân của Tòa án, làm rõ nội hàm của các tiêu chí trong sạch, hiệu lực, hiệu quả, dân chủ, nghiêm minh, thống nhất, đồng bộ, khả thi, ổn định làm cơ sở cho việc rà soát, đánh giá chức năng, nhiệm vụ của các thiết chế tư pháp, phát hiện những bất cập, mâu thuẫn, chông chéo để sửa đổi, bổ sung pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế làm cơ sở cho Tòa án độc lập, Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện mô hình tổ tụng theo chức năng tổ tụng, tạo sự bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tổ tụng, tăng cường tranh tụng, xác định rõ các chức năng tổ tụng hình sự, loại bỏ những nhiệm vụ không thuộc chức năng xét xử của tòa án; Tăng cường kiểm soát việc thực hiện thẩm quyền tổ tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán. Hoàn thiện pháp luật về chứng cứ, chứng minh trong tố tụng hình sự, nghiên cứu xây dựng đạo luật về chứng cứ, chứng minh trong tố tụng hình sự theo hướng đảm bảo sự bình đẳng trong thu thập đánh giá chứng cứ giữa các bên, mọi chứng cứ phải được công nhận tại phiên tòa, thực hiện giải trình chứng cứ, thủ tục loại trừ chứng cứ.

Hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự theo hướng đơn giản, dễ tiếp cận, tôn

trọng sự tự định đoạt của đương sự, tiến tới việc các tòa án không thu thập chứng cứ, Viện kiểm sát không tham gia các phiên tòa dân sự, hành chính. Mở rộng phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn các vụ án hình sự và dân sự đối với những vụ án hình sự ít nghiêm trọng, chứng cứ rõ ràng, vụ án dân sự có giá trị nhỏ. Bộ quy định xem xét lại phán quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; nghiên cứu xây dựng Luật về Thẩm phán.

Về tổ chức: Xác định đúng chức năng thực hiện quyền tư pháp của tòa án, các đặc trưng cơ bản của quyền tư pháp và khẳng định tòa án là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp, các cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát là các cơ quan tham gia thực hiện quyền tư pháp.

- Phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm theo hướng cấp phúc thẩm chỉ giải quyết vấn đề áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm, cấp giám đốc thẩm, tái thẩm vừa có nhiệm vụ sửa chữa sai lầm của các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật vừa bảo vệ hoạt động xét xử và áp dụng thống nhất pháp luật; bãi bỏ một số nhiệm vụ không thuộc chức năng xét xử của tòa án.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức, bộ máy của hệ thống tòa án: Tổ chức tòa án theo 4 cấp, gồm: (1) Tòa án nhân dân tối cao, (2) Tòa án nhân dân cấp cao, (3) Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm, (4) Tòa án nhân dân sơ thẩm; nghiên cứu xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của các tòa giản lược.

Về quản trị tòa án: Trước mắt, thành lập cơ quan hành chính chuyên trách

giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý các Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự, qua đó, đảm bảo sự độc lập của Tòa án nhân dân tối cao với các Tòa án địa phương, tiến tới thành lập Hội đồng Tư pháp quốc gia. Hội đồng tư pháp quốc gia do nguyên thủ quốc gia đứng đầu và có sự tham gia của các cựu Thẩm phán có kinh nghiệm và uy tín nghề nghiệp. Hội đồng Tư pháp quốc gia có trách nhiệm tuyển chọn ứng viên Thẩm phán để trình Chủ tịch nước bổ nhiệm; tổ chức đào tạo, thi tuyển, sát hạch Thẩm phán; xem xét và quyết định kỷ luật Thẩm phán [3].

- Hoàn thiện cơ chế phân quyền nội bộ, quy định về phân công án ngẫu nhiên cho các Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, đảm bảo độc lập của Thẩm phán với Chánh án.

Nâng cao vị trí, năng lực Thẩm phán và Hội thẩm: Đổi mới cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán, theo hướng mở rộng nguồn bổ nhiệm Thẩm phán; ban hành các quy định hướng dẫn việc thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán để đảm bảo chuẩn hóa, minh bạch, công khai quy trình bổ nhiệm Thẩm phán.

- Đổi mới nhận thức về vai trò, vị trí của Thẩm phán; xây dựng chế độ, chính sách đặc thù đối với Thẩm phán: Nghiên cứu kéo dài nhiệm kỳ Thẩm phán tiến tới chế độ Thẩm phán trọn đời, kéo dài độ tuổi nghỉ hưu của Thẩm phán, đảm bảo lương, phụ cấp và các chế độ ưu đãi khác của Thẩm phán phải theo ngạch riêng và ở mức cao. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về

ngạch lương và mức lương dành riêng cho các ngạch Thẩm phán theo chế độ đãi ngộ ở Việt Nam hiện nay [4].

- Xây dựng tiêu chí đánh giá Thẩm phán đúng thực chất; hoàn thiện chế độ về luân chuyển công tác, miễn trừ, kỷ luật Thẩm phán, xây dựng cơ chế đề phòng ngừa, xử lý việc can thiệp trái pháp luật vào hoạt động xử của Thẩm phán và Hội thẩm, xây dựng cơ chế hữu hiệu để bảo vệ Thẩm phán.

- Hoàn thiện cơ chế giám sát liên chính tư pháp theo hướng: cải tiến, tăng cường kiểm tra, giám sát; xây dựng chế độ xử lý trách nhiệm đối với sai phạm; ban hành quy định về quan hệ của Thẩm phán đối với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, đặc biệt là luật sư.

- Đổi mới nhận thức về vị trí, vai trò của Hội thẩm trong hoạt động xét xử theo hướng Hội thẩm chỉ tham gia xác định sự thật của vụ án, không tham gia vào việc áp dụng pháp luật nhằm đảm bảo độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm; xây dựng cơ chế giải quyết xung đột quan điểm trong giải quyết vụ án giữa Thẩm phán và Hội thẩm; ban hành quy chế lựa chọn Hội thẩm ngẫu nhiên tham gia Hội đồng xét xử trong danh sách Hội thẩm; mở rộng cơ cấu, thành phần, đối tượng tham gia là Hội thẩm không phân biệt thành phần, tầng lớp xã hội.

Kết luận

Như vậy, sự độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm trong thực hiện quyền tư pháp là yêu cầu bắt buộc trong thực hiện quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam trong thời gian tới. Sự độc lập tư pháp, độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm ở Việt Nam đã được quan

tâm từ phương diện lý luận, thực tiễn và các biện pháp bảo đảm. Tuy nhiên, trước yêu cầu của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam trong thời gian tới, cần tiếp tục tìm ra giải pháp đảm bảo cho Thẩm phán, Hội thẩm thực độc lập trong thực hiện quyền tư pháp, nhằm đảm bảo quyền lực tư pháp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công lý, quyền con người.

Tài liệu tham khảo

[1]. Đinh Thế Hưng, “Nhận thức về tính hiện đại của thiết chế tư pháp, cải cách tư pháp trong Nghị quyết Đại hội XIII”, 2021. <https://tapchitoaan.vn/nhan-thuc-ve-tinh-hien-dai-cua-thiet-che-tu-phap-cai-cach-tu-phap-trong-nghi-quyet-dai-hoi-xiii>. [Truy cập ngày 03/02/2024].

[2]. Võ Khánh Vinh, “Về quyền tư pháp và chế độ tư pháp ở Việt Nam”, 2012. <https://tapchitoaan.vn/ve-quyen-tu-phap-va-che-do-tu-phap-o-viet-nam>. [Truy cập ngày 03/02/2024].

[3]. Trần Văn Độ, “Bảo đảm nguyên tắc xét xử độc lập của Tòa án nhân dân trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, Số tháng 4 năm 2023.

[4]. La Thị Quế, “Giải pháp nâng cao tính độc lập xét xử của tòa án trong Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Công thương*, số 11 năm 2018.